

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: **1526** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày **22** tháng **4** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
tại Lèn Ấng Sơn, xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông
nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa
đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và
Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-
BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày
29 tháng 01 năm 2026;*

*Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi
trường của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Công văn số
51/XNK-KHKD ngày 03 tháng 4 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
453/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 4 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Ấng Sơn, xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch UBND xã Trường Ninh và Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG
THƯỜNG TẠI LÈN ÁNG SƠN, XÃ TRƯỜNG NINH, TỈNH QUẢNG TRỊ
(kèm theo Quyết định số **1526**/QĐ-UBND ngày **22** tháng **4** năm 2026
của UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Áng Sơn, xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị.
- Địa điểm thực hiện: xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 90 đường Hữu Nghị, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Quy mô, công suất

Khu vực khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Áng Sơn, xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị có diện tích 47.673m², ranh giới tọa độ khép góc khu vực mỏ có tọa độ theo hệ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 106⁰ như sau:

Điểm góc	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
1	1908254,79	569640,57
1A	1908390,81	569607,66
2A	1908439,00	569657,00
3	1908447,00	569797,00
4	1908323,00	569785,00
5	1908219,00	569815,00
6	1908139,00	569868,00
7	1908124,29	569765,90

- Trữ lượng địa chất 3.080.390 m³;
- Trữ lượng khai thác: 2.956.790 m³;
- Công suất khai thác: 150.000 m³/năm;
- Thời gian hoạt động của Dự án: 20 năm.

1.3. Công nghệ khai thác

- Đối với quy trình khai thác: Khoan, nổ mìn → Cậy gỡ, san gạt → Bóc xúc → Vận chuyển → Khu vực chế biến.

- Đối với quy trình chế biến: Đá học (đá nguyên liệu) → Trạm nghiền đập → Đá các loại.

1.4. Phạm vi

1.4.1 Các hạng mục công trình

Dự án sử dụng chung toàn bộ hạ tầng kỹ thuật và công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại lèn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị) của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Cơ sở 1).

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường gồm: Khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển đá về trạm nghiền.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.
- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm tại mỏ.
- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành Dự án như sau:

- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Hoạt động của người lao động phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt.
- Hoạt động khai thác của Dự án phát sinh bụi và khí thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung.
- Hoạt động san gạt, trồng cây làm phát sinh bụi.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động với lưu lượng khoảng 1,67 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng Coliform, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, dầu mỡ khoáng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ hoạt động nổ mìn, khai thác đá.

- Bụi phát sinh từ hoạt động bốc xúc, xúc chuyển, vận chuyển.
- Bụi phát sinh từ hoạt động khai thác bằng máy xúc có đầu đập thủy lực.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: SO_2 , CO , NO_x , VOC .
- Bụi phát sinh từ hoạt động bốc xúc, vận chuyển, san gạt trong quá trình trồng cây.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 15,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn sinh khối thực vật khoảng $2\text{m}^3/\text{năm}$

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Trong quá trình khai thác tại Dự án có thể phát sinh chất thải nguy hại từ hoạt động bảo trì sửa chữa các loại xe, máy móc... Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính như sau: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải khoảng 200 lít/năm; bộ lọc dầu đã qua sử dụng khoảng 20 kg/năm; giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại khoảng 20kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện, thiết bị như máy khoan, máy xúc, máy gạt ủi, phương tiện giao thông vận chuyển tại khu vực khai trường;

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động nổ mìn, khai thác đá.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải hiện hữu tại Cơ sở 1.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Nước mưa được thu gom về hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của Cơ sở 1.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động khai thác và cải tạo phục hồi môi trường được thu gom xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải hiện hữu tại Cơ sở 1, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Áp dụng phương pháp nổ mìn được cấp có thẩm quyền cấp phép và loại chất nổ có cân bằng ôxy bằng hoặc xấp xỉ bằng không, loại chất nổ ít phát thải khí độc hại.

- Sử dụng đầu đập thủy lực để phá đá quá cỡ, giảm thiểu lượng thuốc nổ.

- Phun nước định kỳ cho những khu vực phát sinh bụi như: khu vực khai thác, khu vực đường vận tải nội mỏ và đoạn tuyến đường QL9B tiếp giáp mỏ. Tần suất phun ẩm phù hợp tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, tăng tần suất phun ẩm vào những ngày thời tiết nắng to, khô hanh, nhiều gió.

- Bố trí công nhân thường xuyên thu dọn và vệ sinh toàn bộ bề mặt các khu vực dự án để hạn chế bụi cuốn khi có gió hoặc bị cuốn trôi khi thời tiết khu vực có mưa.

- Thực hiện tưới nước định kỳ để giảm bụi trong quá trình san gạt cải tạo trồng cây phục hồi môi trường.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, găng tay, áo quần bảo hộ...cho công nhân làm việc trên công trường.

- Xe vận chuyển phục vụ dự án phải thực hiện đúng quy định về tải trọng khi lưu thông và tuân thủ biển báo tốc độ, luật an toàn giao thông, không chế tốc độ xe khi ra vào dự án.

- Tất cả các xe vận chuyển phải có bạt che phủ kín thùng xe chắc chắn cẩn thận, không chất đá vượt quá thành xe.

4.1.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại vào các thùng chứa có nắp đậy kín, lưu giữ, vận chuyển và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt của Cơ sở 1.

- Sinh khối từ quá trình phát quang: Thực hiện phát quang thành nhiều đợt, khai thác đến đâu tiến hành phát quang đến đó không phát quang tràn lan; Sinh khối phát quang bán cho các đơn vị thu mua; phần không tận dụng được phải thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt trong quá trình vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại vào các thùng chứa có nắp đậy kín, lưu giữ, vận chuyển và xử lý cùng với chất thải nguy hại của Cơ sở 1.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Chủ dự án phải sử dụng loại thuốc nổ, lượng thuốc nổ, phương pháp nổ mìn, thời gian nổ mìn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép theo đúng quy định, để giảm tác động tiêu cực tới môi trường; đảm bảo khoảng cách an toàn trong quá trình nổ mìn, tuyệt đối không được làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân trong khu vực.

- Thông báo thời gian nổ mìn, kế hoạch nổ mìn cho chính quyền địa phương, cán bộ công nhân viên làm việc tại mỏ và các dự án xung quanh, các hộ dân và các đối tượng liên quan trong khu vực theo đúng quy định.

- Sử dụng các phương tiện, máy móc và thiết bị đã được đăng kiểm theo quy định và chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc bảo đảm các yêu cầu về cân bằng thiết bị nhằm hạn chế khả năng gây ồn cũng như rung động do thiết bị tạo ra.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân. Bố trí lịch làm việc hợp lý cho công nhân, đặc biệt là các công nhân làm việc ở những vị trí có tiếng ồn lớn, liên tục nhằm tránh công nhân tiếp xúc với tiếng ồn lớn trong thời gian dài. Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho công nhân làm việc trực tiếp tại các khu vực có phát sinh tiếng ồn lớn, liên tục và kéo dài để đề phòng và phát hiện sớm những bệnh lý liên quan đến nghề nghiệp cho công nhân.

- Đối với hoạt động nổ mìn: tuân thủ nghiêm theo quy định hiện hành, QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ. Áp dụng công nghệ nổ mìn thân thiện với môi trường, phương pháp nổ mìn vi sai.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tăng cường quan trắc biến dạng bờ mỏ, đặc biệt trong mùa mưa; có phương án gia cố bờ tăng tại các vị trí địa chất yếu; đảm bảo không để xảy ra sạt lở.

- Hoạt động nổ mìn thực hiện theo kế hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường, an toàn lao động trong quá trình hoạt động của Dự án (đặc biệt là sự cố sạt lở bờ mỏ, sự cố rò rỉ, cháy nổ, sét).

- Lập kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy: trang bị bình chữa cháy, thường xuyên kiểm tra đường dây, thiết bị điện khu vực dự án.

- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân viên.

- Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm để phòng chống tai nạn lao động cho cán bộ, công nhân viên, phòng chống sự cố đối với người dân.

- Đảm bảo tuân thủ đúng các quy định sau: Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên, QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và các quy định khác có liên quan.

4.5. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

4.5.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn

- Đối với diện tích đáy mỏ: Sau khi kết thúc khai thác tiến hành phủ đất màu dày 0,7m, san gạt tạo mặt bằng, trồng cây keo lá tràm mật độ 2.000 cây/ha. Tạo hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực đáy mỏ.

- Đối với diện tích bờ mỏ 0,3673ha: phục hồi tự nhiên.

4.5.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 894.854.000 đồng (Tám trăm chín mươi bốn triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

+ Số lần ký quỹ: 20 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 134.228.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng).

+ Số tiền ký quỹ mỗi năm tiếp theo (chưa tính đến yếu tố trượt giá): 40.033.000 đồng/năm (Bốn mươi triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng mỗi năm).

Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá về số tiền ký quỹ trong các năm tiếp theo sau năm 2026.

+ Số tiền trượt giá hàng năm được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Thời điểm ký quỹ: sau khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, Chủ dự án thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Việc ký quỹ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Quảng Trị.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 Phụ lục của Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn

- Chỉ tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Vị trí giám sát:

+ Trên đường QL9B đoạn đi vào bãi chế biến;

+ Trước nhà dân trên đường QL9B, đối diện lối vào bãi chế biến.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.2.2. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

5.2.3. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực Dự án.
- Nội dung giám sát: Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác và các thủ tục đất đai theo đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.
- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.
- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Chủ dự án phải đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và hồ sơ môi trường của cơ sở 1 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo nâng cấp các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở 1 để đáp ứng công suất khai thác, vận hành của cả 2 mỏ do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu làm chủ đầu tư.
- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý. Bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường đối với dân cư, người lao động làm việc tại Dự án.
- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lán, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác

cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý kịp thời.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.